Tên Doanh nghiệp:………………………………………………………………. Số Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược:…. Ngày cấp:… Nơi cấp:… Địa chỉ ĐKKD:…………………………………………………………………... Số điện thoại: ………………………………; Email:……………………………. Người liên hệ:……………….., Số điện thoại…………Email:…………………..

# BẢNG BÁO GIÁ THUỐC GENERIC NĂM 2024-2026

## Kính gửi : Sở Y tế tỉnh Tuyên Quang

*Đơn vị tính: VNĐ*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **STT****theo TT 20** | **STT****theo TT15** | **Tên hoạt chất (Ghi theo TT20)** | **Tên hoạt chất (Ghi theo GPLHSP)** | **Nhóm TCKT theo TT06/****2023** | **Nồng độ/ hàm lượng (Ghi theo GPLHSP)** | **Đường dùng** | **Dạng bào chế (theo quy định tại Phụ lục 4 TT 15/ 2019)** | **Dạng bào chế ghi trong GPLHSP/ GPNK** | **Đơn vị tính** | **Tên thuốc** | **SĐK/ VISA****hoặc GPNK** | **Cơ sở sản xuất** | **Nước sản xuất** | **Đơn giá (đã có VAT)** | **Công bố giá KK/ KKL của Cục Quản lý Dược** | **Giá trúng thầu từ tháng 1/2023 đến nay** |
| **Giá KK/KKL** | **Ngày kê khai** | **Giá trúng thầu 1** | **Các nơi trúng thầu giá thứ 1 (SYT/BV)** | **Giá trúng thầu 2** | **Các nơi trúng thầu giá thứ 2 (SYT/BV)** | **Giá trúng thầu 3** | **Các nơi trúng thầu giá thứ 3 (SYT/BV)** |
| ***1*** | ***2*** | ***3*** | ***4*** | ***5*** | ***6*** | ***7*** | ***8*** | ***9*** | ***10*** | ***11*** | ***12*** | ***13*** | ***14*** | ***15*** | ***16*** | ***17*** | ***18*** | ***19*** | ***20*** | ***21*** | ***22*** | ***23*** | ***24*** |
| 1 | …. | …. | **Acenocoumarol** | **Acenocoumarole** | **4** | **1mg** | **Uống** | **Viên** | …. | Viên | …. | …. | …. | …. | …. | …. | …. | …. | …. | …. | …. | …. | …. |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

............, ngày..... tháng năm 20..

# GIÁM ĐỐC

## (Ký tên, đóng dấu)

**\* Ghi chú:**

**- Từ viết tắt:**

+ TT20: Thông tư số 20/2022/TT-BYT ngày 31/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Danh mục và tỷ lệ, điều kiện thanh toán đối với thuốc hóa dược, sinh phẩm, thuốc phóng xạ và chất đánh dấu thuộc phạm vi được hưởng của người tham gia bảo hiểm y tế;

+ TT06/ 2023: Thông tư số 06/2023/TT-BYT ngày 12/3/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 15/2019/TT-BYT ngày 11/7/2019 của Bộ Y tế quy định việc đấu thầu thuốc tại các cơ sở y tế công lập;

+ TT15: Thông tư số 15/2020/TT-BYT ngày 10/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành danh mục thuốc đấu thầu, danh mục thuốc đấu thầu tập trung, danh mục thuốc được áp dụng hình thức đàm phán giá;

+ STT: Số thứ tự; GPLHSP: Giấy phép lưu hành sản phẩm; GPNK: Giấy phép nhập khẩu; KK/KKL: Kê khai/ Kê khai lại; SYT/BV: Sở Y tế/ Bệnh viện.

* **Cột 3:** Ghi số thứ tự tương ứng Phần 1. Danh mục thuốc hóa dược, Phụ lục I Thông tư 15/2020/TT-BYT.
* **Cột 4, Cột 5:** Ghi đúng tên hoạt chất theo Thông tư số 20/2022/TT-BYT, Giấy phép lưu hành sản phẩm tương ứng.
* **Cột 6:** Ghi nhóm tiêu chí kỹ thuật theo Thông tư số 06/2023/TT-BYT (gồm các nhóm từ 1 đến 5).
* **Cột 7:** Ghi nồng độ hàm lượng theo Giấy phép lưu hành sản phẩm**. Lưu ý** đối với thuốc có thể tích**,** ghi "nồng độ/hàm lượng-thể tích", kể cả thể tích 1ml**, ví dụ: 4mg/ml-1ml.**
* **Cột 19-21-23:** Chỉ điền nhiều cột khi các giá trị trúng thầu khác nhau; Trường hợp có nhiều hơn 3 mức giá trúng thầu phải ghi mức giá thấp nhất và giá cao nhất.
* **Cột 20-22-24:** Ghi không quá 03 tên **SYT/BV.**

Font chữ: Times New Roman. Số phải được định dạng number, sử dụng dấu (.) phân cách hàng đơn vị, dấu (,) để phân cách hàng thập phân, đơn giá chỉ để tối đa hai chữ số hàng thập phân.